

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/DS-PT

Ngày: 01/6/2022

“V/v tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất và đòi bồi thường
thiệt hại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09/5/2022 và ngày 01/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLPT-DS ngày 30/6/2021 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định số 314/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021 về việc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Quyết định số 298/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2021 về việc hoãn phiên tòa, Thông báo số 29/TB-TA ngày 17/02/2022 về việc mở lại phiên tòa, Quyết định số 31/2022/QĐ-PT ngày 02/3/2022 về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm, Thông báo số 96/TB-TA ngày 22/3/2022 về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa, Quyết định số 45/2022/QĐ-PT ngày 31/3/2022 về việc hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (chết ngày 17/9/2021).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị C:

1. NLQ1, sinh năm 1986;

2. NLQ2, sinh năm 1988;

3. NLQ3, sinh năm 1989;

4. NLQ4, sinh năm 1993;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3: NLQ4, sinh năm 1993. (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/01/2022 và ngày 07/3/2022).

Cùng địa chỉ: Tổ i, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ i, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị M: Luật sư Đ, Văn Phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường N, khóm P, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1986;

2. NLQ2, sinh năm 1988;

3. NLQ3, sinh năm 1989;

4. NLQ4, sinh ngày 1993;

Cùng địa chỉ: Tổ i, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. NLQ5, sinh năm 1961;

6. NLQ6, sinh năm 1987;

7. NLQ7, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tổ i, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị M là bị đơn.

Có mặt: NLQ4, bà Lê Thị M, Luật sư Đ.

Vắng mặt: NLQ6, NLQ7.

Có đơn xin xét xử vắng mặt: NLQ5.

NỘI DUNG VỤ ÁN

NLQ4 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 367, diện tích 2.375m² (nay là thửa 279, tờ bản đồ 23, diện tích 2.366m²) do bà Nguyễn Thị C đứng tên là của bà nội bà C để lại cho ba

của bà C, sau đó bà C sử dụng và tự kê khai đăng ký. Năm 1995 bà C được cấp đổi GCN QSD đất, khi cấp không nhớ có đo đạc thực tế hay không. Đến năm 2016 được cấp đổi lần 2. Giáp ranh với phần đất của bà là phần đất của ông Đặng B, năm 1992 thì ông B bán đất cho bà M. Khi ông B bán đất cho bà M thì không biết có đo đạc không nhưng ông B có kêu bà C ra để xác định ranh, ranh phía trước (giáp đường đất) là cây cau và ranh phía sau là cây dừa, lấy hai điểm này kéo thẳng làm mốc ranh giữa đất của bà C và đất của ông B, khi xác định ranh thì có mặt bà C, ông B và bà M. Ngoài ra các bên không có cắm trụ đá gì để xác định ranh, phía trước từ cây cau thì có một cái mương chạy vào khoảng một đoạn, lúc đó xác định mí mương phía ông B là ranh đất, toàn bộ mương thuộc quyền quản lý của bà C, phần còn lại chạy thẳng đến cây dừa là đất liền có trồng một hàng xương rồng, hiện con mương còn nhưng không còn nước vô ra vì bà C đã lấp cát nhưng vẫn còn hiện trạng mí mương, về phần xương rồng thì khoảng tháng 8 năm 2001 bà M đã chặt đốn để làm chuồng heo. Khi bà M làm chuồng heo trên phần đất của bà C thì bà có gửi đơn đến chính quyền địa phương để ngăn chặn việc bà M làm chuồng heo nhưng không có ai xuống lập biên bản gì hết. Do tại thời điểm đó giữa bà C và bà M có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên UBND xã và Tòa án Tỉnh có nói để giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thì mới giải quyết vụ kiện tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Nay hộ bà Nguyễn Thị C yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 209, tờ bản đồ số 23 (thửa cũ số 367, tờ bản đồ cũ số 2), do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên quyền sử dụng đất với thửa số 366, tờ bản đồ số 2, do hộ bà Lê Thị M đứng tên QSD đất là các đoạn nối các mốc K-L-Z-N-M-X-C theo sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp chính lý ngày 16/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C. Đối với giá trị tài sản có tranh chấp, bà C thống nhất theo biên bản định giá ngày 01/11/2016, không yêu cầu định giá lại. Ngoài ra, bà C yêu cầu bà M và NLQ1 bồi thường thiệt hại số tiền 64.800.000 đồng, là số tiền mà bà M đã chiếm đất làm chuồng heo nên bà C không được sử dụng đất, theo tạm tính mỗi tháng 300.000 đồng x 216 tháng (18 năm). Các cây trồng, vật kiến trúc, chuồng heo trên phần đất tranh chấp yêu cầu gia đình bà M tự tháo dỡ, di dời gia đình bà C không đồng ý bồi thường hay hỗ trợ tiền di dời. Tại phiên tòa bà C tự nguyện hỗ trợ cho hộ bà M số tiền 200.000 đồng để di dời cây Bằng Lăng và 300.000 đồng di dời bụi tre nếu trường hợp cây Bằng Lăng và bụi tre thuộc phần đất bà C.

Bị đơn bà Lê Thị M (bà M đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ6 và chị NLQ7) trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp với bà C là do bà M mua của ông B, khi mua có mời bà C đến xác định ranh. Khi đó do giữa hai phần đất không có

ranh cụ thể nên các bên đồng ý lấy cây cau và cây me làm ranh, do cây cau và cây me cách nhau khoảng vài mét nên thỏa thuận cây cau bên đất bà M, cây me là bên đất bà C, hiện cây cau và cây me không còn. Khi bà M đăng ký QSD đất thì chính quyền có đo đạc và lấy cây cau và cây me làm căn cứ kéo thẳng ra phía sau và phía trước thì thẳng đến rạch B. Sau đó do bà M có chuyển nhượng thêm một phần đất liền kề ranh do ông Thành chồng bà C chuyển nhượng nên bà M đã quản lý sử dụng luôn phần này. Trong quá trình sử dụng đất bà M đã đốn cây me và hưởng hoa lợi từ các cây xoài trên đất. Sau này bà C không đồng ý chuyển nhượng nên đã hủy hợp đồng chuyển nhượng, theo Bản án của Tòa án Tỉnh Đồng Tháp bà M đã giao trả lại phần đất mới chuyển nhượng này lại cho bà C, có cơ quan Thi hành án thực hiện. Hiện nay giữa hai phần đất có hàng trụ đá và lưới rào B40, bà M đề nghị xác định ranh theo hàng rào này. Cụ thể bà M yêu cầu xác định ranh giữa đất của bà M và NLQ1 với đất của hộ bà C là các đoạn thẳng nối các mốc: I - J - H - C theo sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp chính lý ngày 16/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Đối với giá trị đất và giá trị tài sản có tranh chấp bà M thống nhất theo biên bản định giá ngày 01/11/2016, không yêu cầu định giá lại. Bà M không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 64.800.000 đồng cho bà C. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà C thì bà M không yêu cầu bồi thường tiền vật kiến trúc, chuồng heo trên phần đất tranh chấp theo biên bản định giá ngày 01/11/2016, riêng đối với cây trồng bà M xác định sẽ tự di dời.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ2: Thống nhất với ý kiến trình bày của NLQ4 và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ5: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà M và không có yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Lê Thị M và NLQ5 bồi thường thiệt hại số tiền 64.800.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 209, tờ bản đồ số 23 (thửa cũ số 367, tờ bản đồ số 2), do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa số 366, tờ bản đồ số 2, do hộ bà Lê Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là các đoạn nối các mốc K-L-Z-N-X-C, theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp chính lý ngày 26/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc hỗ trợ cho hộ bà M số tiền 200.000 đồng di dời cây bằng lăng.

Các bên sử dụng đất có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung, không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách. Cây trồng của bên nào vi phạm phần ranh đất nêu trên thì có trách nhiệm tự di dời.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M, NLQ5, NLQ6, NLQ7 phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Như vậy, bà Nguyễn Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.020.000 đồng theo các biên lai thu số 038652 ngày 27/4/2016 và biên lai thu số 0000066 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tổng số tiền 2.825.000 đồng, hộ bà Nguyễn Thị C và hộ bà Lê Thị M mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Bà Nguyễn Thị C đã tạm ứng và đã chi xong số tiền 2.825.000 đồng. Như vậy hộ bà Lê Thị M, NLQ5, NLQ6, chị NLQ7 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 1.412.500 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/5/2021, bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kế thừa của bà Nguyễn Thị C gồm NLQ1, NLQ3, NLQ2, NLQ4. NLQ1, NLQ2, NLQ3 ủy quyền cho NLQ4 tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất theo các mốc K – L – Z – N – X – C theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp chính lý ngày 26/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bị đơn bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xác định ranh đất theo các mốc E – J – C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị M đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, sửa bản án dân sự sơ thẩm, xác định ranh giới quyền sử dụng đất là đoạn thẳng nối các mốc E – J – C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Lê Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất số 366 của bà Lê Thị M và thửa đất số 209 của bà Nguyễn Thị C cùng tờ bản đồ số 02 là đoạn thẳng nối các mốc E – J – C theo mảnh trích đo ngày 26/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy:

[1] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Lê Thị M cho rằng đoạn I – J – H là ranh giới quyền sử dụng đất do cơ quan Thi hành án dân sự xác định trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và bà Lê Thị M vào năm 2004. Tuy nhiên, tại trang 6 Bản án dân sự phúc thẩm số 286/DSPT ngày 16/8/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã nhận định *“do tranh chấp ranh giữa hai bên chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét được, nếu bà C có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác”* (BL 16). Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm vụ án này, phía bà Nguyễn Thị C thừa nhận có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lê Thị M, nhưng không đồng ý với ranh đất mà bà M cho là thi hành án. Mặt khác, tại phiên tòa bà Lê Thị M và Luật sư Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M không nêu ra được vị trí các trụ đá đã thi hành án bản án số 286/2004 và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, không có đủ căn cứ xác định đường thẳng nối các mốc I – J – H là ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất bà C và bà M.

[2] Ngược lại, phần ranh đất tính từ đường đất trở vào, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước đây giữa hai phần đất có con mương trước. Tại tờ tường trình ngày 11/6/2004 có xác nhận của Ban nhân dân ấp và Công an xã T, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long (nay là thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) thì ông Đặng B

thừa nhận chỉ chuyển nhượng cho bà M phần đất trên bờ, còn phần nương là của bà C (bút lục 156-158). Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 03/5/2016 bà M cũng thừa nhận con nương giáp đường đi trước nhà “là của bên bà C toàn bộ” và có trình bày thêm là bà M có mở rộng thêm con nương này (bút lục 56) nhưng bà M không có căn cứ gì để chứng minh. Đối với hiện trạng đất, phía bà Lê Thị M thừa nhận có trồng 01 cây vú sữa cách mé nương từ 30cm - 40cm, hiện trạng cây vú sữa cách ranh đất bà C xác định là đoạn thẳng nối mốc K-L đúng như lời thừa nhận của bà M. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới phía trước là đoạn thẳng nối các mốc K – L là có căn cứ.

[3] Đối với ranh đất đoạn tiếp theo trong phạm vi các mốc L – Z – N – M về mốc L, bà C xác định ranh giới là đoạn thẳng nối các mốc L – Z – N, bà Lê Thị M xác định ranh giới là đoạn thẳng nối các mốc Z – N. Hiện trạng sử dụng đất đoạn ranh này, bà M có xây và sử dụng chuồng heo từ năm 2001 đến nay. Phía bà C cho rằng trước đây có hàng rào xương rồng làm ranh, nhưng năm 2001 bà M đã chặt bỏ xây dựng chuồng heo, bà C cho rằng có tranh chấp nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên đơn đồng ý giữ nguyên hiện trạng chuồng heo đã xây dựng và sử dụng ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới là đoạn thẳng nối các mốc L – Z – N (xác mé chuồng heo) là có căn cứ, phù hợp với sự tự nguyện của nguyên đơn và hiện trạng sử dụng đất của bị đơn.

[4] Đối với ranh đất còn lại (phía sau chuồng heo đến nương hiện trạng), bà C yêu cầu xác định ranh đất là đoạn thẳng nối các mốc N – M – X, bà M yêu cầu xác định ranh đất là nằm thẳng trên đoạn thẳng nối các mốc Z – J. Theo hiện trạng sử dụng đất, trong phạm vi mốc N – M – X có 01 bụi tre do bà M đã trồng và sử dụng từ trước đến nay mà nguyên đơn không có tranh chấp. Phía bà C thì không sử dụng phần đất này, do đó căn cứ hiện trạng sử dụng đất Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới đoạn này là đoạn thẳng nối mốc N – X là phù hợp.

[5] Đối với ranh đất ngang phía sau giáp với con nương, bà C xác định ranh giới là đoạn thẳng nối các mốc X – C, bà C xác định ranh đất là đoạn thẳng nối các mốc H – C. Như vậy, các đương sự thống nhất mốc C là ranh đất. Đối với mốc còn lại, như phân tích tại mục [1] phía bà M không chứng minh được ranh giới quyền sử dụng tại mốc H, ngược lại theo phân tích tại [3] căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của bà M (có trồng bụi tre đến mốc X trở về phía đất bà M) xác định mốc X là ranh giới quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới ngang phía sau là đoạn thẳng nối các mốc X – C là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai người làm chứng, lời thừa nhận

của các đương sự và hiện trạng ranh đất xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 366 của bà Lê Thị M và thửa đất số 209, cùng tờ bản đồ số 02 của bà Nguyễn Thị C là đoạn thẳng nối các mốc K – L – Z – N – X – C là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện C.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị M đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án dân sự sơ thẩm xác định ranh đất theo các mốc E – J – C là không phù hợp nên không chấp nhận.

[7] Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4) yêu cầu bà Lê Thị M và NLQ5 bồi thường thiệt hại số tiền 64.800.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4) đối với yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 209, tờ bản đồ số 23 (thửa cũ số 367, tờ bản đồ số 2), do hộ bà Nguyễn Thị C (người kế thừa: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4) đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 366, tờ bản đồ số 2, do hộ bà Lê Thị M (gồm: bà Lê Thị M, NLQ5, Võ Kim H, NLQ7) đứng tên

quyền sử dụng đất là đoạn thẳng nối các mốc K-L-Z-N-X-C, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản bên nào lấn chiếm bên người khác buộc phải di dời theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2018 và ngày 16/12/2020 của Tòa án huyện C và Trích đo hiện trạng đất tranh chấp chính lý ngày 26/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C về việc hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị M số tiền 200.000 đồng di dời cây bằng lăng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M, NLQ5, NLQ6, NLQ7 phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị C (người kế thừa: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.020.000 đồng theo các biên lai thu số 038652 ngày 27/4/2016 và biên lai thu số 0000066 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014598 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

6. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tổng số tiền 2.825.000 đồng, hộ bà Nguyễn Thị C và hộ bà Lê Thị M mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Bà Nguyễn Thị C đã tạm ứng và đã chi xong số tiền 2.825.000 đồng, nên hộ bà Lê Thị M, NLQ5, NLQ6, chị NLQ7 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị C (người kế thừa: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4) số tiền 1.412.500 đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vĩnh